

QUỐC HỘI
Số: 66-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 1992

LUẬT

TỔ CHỨC QUỐC HỘI

Căn cứ vào Chương VI Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng và các Uỷ ban của Quốc hội; về nhiệm vụ, quyền hạn của các đại biểu Quốc hội.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp.

Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân;

Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Điều 2

Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm Luật và sửa đổi Luật; quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;
- Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, Luật và Nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo hoạt động của Chủ tịch nước, Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

- 4- Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách Nhà nước, phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;
- 5- Quyết định chính sách dân tộc của Nhà nước;
- 6- Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương;
- 7- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về việc thành lập Hội đồng quốc phòng và an ninh; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ;
- 8- Quyết định thành lập, bãi bỏ các Bộ và các cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;
- 9- Bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội;
- 10- Quyết định đại xá;
- 11- Quy định hàm, cấp trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp Nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước;
- 12- Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;
- 13- Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia theo đề nghị của Chủ tịch nước;
- 14- Quyết định việc trưng cầu ý dân.

Điều 3

Quốc hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Hiệu quả hoạt động của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp của Quốc hội, hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội.

Điều 4

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng, Ủy ban của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội dựa vào sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội và của công dân.

Cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội đồng, ban và các đại biểu Quốc hội làm nhiệm vụ.

CHƯƠNG II

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI VÀ ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 5

Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm có Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên, do Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Quốc hội làm Phó Chủ tịch.

Thành viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể đồng thời là thành viên Chính phủ và làm việc theo chế độ chuyên trách.

Nhiệm kỳ của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Ủy ban thường vụ Quốc hội tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khoá mới bầu ra Ủy ban thường vụ Quốc hội mới.

Điều 6

Ủy ban thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội;
- 2- Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các kỳ họp Quốc hội;
- 3- Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;
- 4- Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao;

5- Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đình chỉ việc thi hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc huỷ bỏ các văn bản đó; huỷ bỏ các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

6- Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ các nghị quyết sai trái của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân;

7- Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của các đại biểu Quốc hội;

8- Trong thời gian Quốc hội không họp, phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ và báo cáo với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội;

9- Trong thời gian Quốc hội không họp, quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược và trình Quốc hội phê chuẩn quyết định đó tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội;

10- Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

11- Thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội;

12- Tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội.

Điều 7

Chủ tịch Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Chủ tọa các phiên họp của Quốc hội, bảo đảm thi hành Quy chế đại biểu Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội; ký chứng thực luật, nghị quyết của Quốc hội;

2- Lãnh đạo công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chỉ đạo việc chuẩn bị, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

3- Triệu tập và chủ tọa hội nghị Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội bàn chương trình hoạt động của Quốc hội, của Hội đồng và Ủy ban của Quốc hội; tham dự phiên họp của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, khi xét thấy cần thiết;

4- Giữ mối quan hệ với các đại biểu Quốc hội;

5- Chỉ đạo và tổ chức việc thực hiện ngân sách của Quốc hội;

6- Chỉ đạo việc thực hiện công tác đối ngoại của Quốc hội; thay mặt Quốc hội trong quan hệ đối ngoại của Quốc hội; lãnh đạo hoạt động của đoàn Quốc hội Việt Nam trong Liên minh Quốc hội thế giới.

Các Phó Chủ tịch Quốc hội giúp Chủ tịch làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch.

Điều 8

Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, điều hoà và phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, triệu tập và chủ trì các kỳ họp của Quốc hội.

Trong việc chuẩn bị kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Dự kiến chương trình kỳ họp theo đề nghị của Chủ tịch nước, của Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội;

2- Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị nội dung kỳ họp; xem xét việc chuẩn bị các dự án luật, các báo cáo và các dự án khác trình Quốc hội;

3- Quyết định các vấn đề khác liên quan đến kỳ họp Quốc hội.

Điều 9

Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền trình dự án luật quy định tại Điều 62 của Luật này.

Điều 10

Ủy ban thường vụ Quốc hội ra pháp lệnh căn cứ vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh đã được Quốc hội thông qua.